

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 24/02/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

- Với t phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên

2. Ông Trần Hải Đăng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2020 về việc “*ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn 5, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

+ *Bị đơn:* Anh Chu Trung T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Trung T vào ngày 27/5/2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Chu Thị Lê O sinh ngày 21/7/2016 con chung hiện nay đang ở với anh T và bố mẹ anh T, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay ly hôn cháu đang ở với anh T nên chị đề anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/03/2021.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ kiện cho anh T, nhưng anh T không có ý kiến gì gửi Tòa án, Tòa án tiến ghi lời khai nhưng anh T không khai báo chỉ đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của ông Chu Xuân T là bố anh T cho biết chị H, anh T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân ông không rõ chỉ nghe thấy chị H nói vợ chồng mâu thuẫn không chung sống được chị làm đơn ra tòa xin ly hôn, gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị H đã bỏ đi vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh T đã được gia đình thông báo nhưng anh không có ý kiến gì, còn việc chị H anh T ly hôn đó là quyền riêng tư của 2 cháu, ông không can thiệp.

Về con chung. Chị H, anh T có 1 con chung Chu Thị Lê O, sinh ngày 21/7/2016, hiện nay cháu O đang ở với ông bà và anh T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu Tòa giải quyết ly hôn đề nghị Tòa giao cháu O cho anh T nuôi.

Về tài sản. Chị H, và T không có tài sản chung, còn vay nợ không thấy vay nợ ai.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp đúng các quy định của pháp luật.

+ Đối với bị đơn chưa chấp đúng quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp, công khai chứng cứ, không đến tham gia phiên tòa

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H: Xử cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung giao cho anh T được trực tiếp nuôi con chung là Chu Thị Lê O sinh ngày 21/7/2016, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/3/2021. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ vợ chồng chị H không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Lê Thị H và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Chu Trung T có địa chỉ Thôn Đ, xã T, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án do anh T được giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng anh T không đến tham gia phiên họp, không đến tham gia phiên Tòa. Chị H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Chu Trung T và chị Lê Thị H.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị H kết hôn với anh Chu Trung T vào ngày 27/5/2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Theo lời khai của chị H thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và sống ly thân từ 8/2019 đến nay. Phía anh T mặc dù không có lời khai nhưng qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của ông Chu Xuân T là bố anh T cho biết, vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn từ năm 2019 đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả chị H đã bỏ đi. Không ai quan tâm đến ai nữa vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đầu năm 2020 đến nay. Xét thấy mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được lên yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H là có căn cứ: Cần áp dụng điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Chu Trung T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị Lê O sinh ngày 21/7/2016, hiện nay cháu O đang ở với anh T và ông bà nội của cháu ông Chu Xuân T. Nay ly hôn chị H tự nguyện để con chung cho anh T tiếp tục nuôi cháu, phía ông T cũng đề nghị giao cháu O cho anh T nuôi vì cháu đang ở ổn định với anh T. Xét thấy hiện tại cháu O đang sinh sống ổn định với anh T nên không cần thiết giao cháu cho chị H để làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cho anh T được chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu O mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu O tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/3/2021. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điều kiện thực tế nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng này. Về quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị H xác định không có nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, điểm b, khoản 1, điều 227, khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Chu Trung T.

Về con chung: Giao cho anh Chu Trung T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Lê O, sinh ngày 21/7/2016. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/3/2021. Sau khi ly hôn chị H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tiền án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0004585 ngày 08/12/2020 do Chi cục Thi án huyện Yên Thế thu. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh